TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2019
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Châu Hùng;

2. Bà Huỳnh Ánh Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 12/9/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 214/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 về "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2019/QĐXXST-HN ngày 23 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Q, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 378/14, tổ 3, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Phạm Hoàng Â, sinh năm 1981; nơi cư trú: tổ 3, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt (bà Q, ông Â có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị Q trình bày:

Nguyên đơn và bị đơn ông Phạm Hoàng Â tự tìm hiểu yêu thương nhau, được cha mẹ tổ chức lễ cưới vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam (giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển 01 ngày 15/6/2010). Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bị đơn đi làm không gửi tiền lo cho vợ con và không quan tâm đến

gia đình. Vợ chồng không còn chung sống từ năm 2012 cho đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn.

Về con chung, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Phạm Hoàng C, sinh ngày 31/5/2011. Con chung hiện nay do ông Â nuôi dạy nên nguyên đơn đồng ý giao cho ông Â nuôi, không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, nguyên đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Hoàng Â thống nhất với trình bày của nguyên đơn về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung, bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoàng C, sinh ngày 31/5/2011. Bị đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Q và ông Â đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà Q khởi kiện xin ly hôn, ông Â đồng ý ly hôn nên chấp nhận cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

- *Về con chung:* Bà Q, ông Â xác định trong thời kỳ hôn nhân có 01 con chung tên Phạm Hoàng C, sinh ngày 31/5/2011 hiện do ông Â chăm sóc, nuôi dạy. Bà Q đồng ý giao con cho ông Â nuôi dạy vì vậy đề nghị tiếp tục giao con cho ông Â nuôi dưỡng, chăm sóc.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho ông Â tiếp tục nuôi dạy, bà Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc vào ngày 15/6/2010; giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng hiện tại bà Q và ông Ân không còn sống chung, trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình cảm không còn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, bị đơn đồng ý ly hôn. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q về việc ly hôn với ông Ân theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, nguyên đơn, bị đơn xác định, trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Hoàng C, sinh ngày 31/5/2011. Bà Q đồng ý giao con chung cho ông Ân nuôi dạy phù hợp với nguyện vọng của cháu Cường muốn được sống chung với cha. Xét, giao con chung cho ông Ân tiếp tục nuôi dạy và chăm sóc. Ông Ân không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét trong vụ án.

Ông Ân cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, nguyên đơn và bị đơn cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị Q.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Q được ly hôn ông Phạm Hoàng Â.

[2] Về con chung: Ông Phạm Hoàng Â được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Phạm Hoàng C, sinh ngày 31/5/2011 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Bà Thạch Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phạm Hoàng Â cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Thạch Thị Q trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Thạch Thị Q phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai số 0008048 ngày 11 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; bà Q đã nộp đủ án phí.

Ông Phạm Hoàng Â không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 12, quyển số 01, ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân phường Núi Sam, thành phố Châu Đốc không còn giá trị pháp lý.

[5] Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm